

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ	
ĐẾN	Số:.....777.....
	Ngày: 11/10/2021
Chuyển:.....	
Lưu hồ sơ số:.....	

**THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TOÁN
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ**

Kính gửi: Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế

K/c thầy Khoa,
Lãnh đạo phòng
KHTC (c.Trang)

Thực hiện Quyết định số 175/QĐ-KTNN ngày 26/2/2021 của Tổng Kiểm toán nhà nước về việc kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM), Tổ kiểm toán thuộc Đoàn kiểm toán tại ĐHQG-HCM của Kiểm toán nhà nước đã tiến hành kiểm toán tại Trường Đại học Quốc tế (Trường ĐHQT) từ ngày 05 tháng 3 năm 2021 đến ngày 22 tháng 3 năm 2021.

Căn cứ Báo cáo kiểm toán của đoàn kiểm toán đã được phát hành và kết quả kiểm toán tại Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán tại đơn vị, Kiểm toán nhà nước thông báo kết luận và kiến nghị kiểm toán đối với đơn vị như sau:

I. KẾT LUẬN KIỂM TOÁN.

Các đánh giá, nhận xét đã được thể hiện trong Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán được ký với đơn vị ngày 06 tháng 4 năm 2021. Sau đây là kết luận kiểm toán tại đơn vị như sau:

1. Xác nhận về tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính**1.1. Kết quả kiểm toán số liệu báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán:**

- Báo cáo quyết toán (Nguồn kinh phí NSNN): Tổng kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán KTNN xác định 21.678,8trđ, chênh lệch 0đ; Kinh phí giảm trong năm KTNN xác định 1.260,3trđ, chênh lệch tăng 382,8trđ.

- Báo cáo kết quả hoạt động: Tổng doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ và hoạt động khác KTNN xác định 348.144,8trđ (chênh lệch tăng 457,7trđ), chi hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ 154.155,3trđ (chênh lệch giảm 1.824trđ). Nộp NSNN (thuế TNDN) KTNN kiến nghị tăng 126,3trđ.

(Chi tiết tại Phụ lục số 05/HSKT-KTNN)

1.2. Ý kiến xác nhận về tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán

Trách nhiệm của đơn vị được kiểm toán: Chịu trách nhiệm lập và trình bày BCQT, BCTC theo khuôn khổ về lập và trình bày BCQT, BCTC được áp dụng; thực hiện kiểm soát nội bộ mà đơn vị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày BCQT, BCTC không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Tổ kiểm toán: Đưa ra ý kiến độc lập về báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính dựa trên kết quả kiểm toán tại đơn vị.

Ý kiến của đoàn kiểm toán

Ngoại trừ các khoản mục, nội dung đã nêu trong phạm vi, giới hạn kiểm toán và các nội dung KTNN đã phát hiện nêu trong Biên bản kiểm toán; xét trên

Mã tài liệu:

các khía cạnh trọng yếu, BCQT, BCTC của đơn vị đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của đơn vị tại thời điểm lập báo cáo, phù hợp hướng dẫn chế độ kế toán của nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày BCQT, BCTC.

2. Về chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ tài chính - kế toán, quản lý tài chính, tài sản công

Năm 2020, Trường về cơ bản đã thực hiện quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công theo quy định của nhà nước, tuy nhiên còn tồn tại:

2.1. Công tác lập, giao dự toán

- Lập dự toán sự nghiệp khoa học công nghệ còn chưa sát với tiến độ thực hiện và dự toán kinh phí của các đề tài (tăng 93,5% so với ước thực hiện năm 2019 và gấp hơn 2 lần so với dự toán được giao trong năm)¹; dự toán thu hoạt động sản xuất kinh doanh lập chỉ tăng 8,1% so với ước thực hiện năm 2019².

- Giao dự toán kinh phí cấp bù miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm 2020 chưa căn cứ trên nguồn kinh phí còn dư từ nhiều năm trước dẫn đến kinh phí còn tồn dư tại kho bạc nhà nước 382,8trđ.

2.2. Kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ (Loại 100- khoản 101)

Tiến độ thực hiện một số đề tài NCKH cấp Đại học Quốc gia còn chậm hoặc không hoàn thành phải hoàn trả kinh phí³; Các đề tài chưa được ứng dụng nhiều trong thực tế do chủ yếu là đề tài thuộc lĩnh vực nghiên cứu cơ bản.

2.3. Thu hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ và hoạt động khác

a. Thu học phí

- Năm 2020, Trường còn phản ánh vào thu học phí hệ đại học chính quy tại trường số thu học phí của chương trình Tiếng Anh tăng cường (IE) 5.855,1trđ; mức thu học phí thạc sĩ ngành Quản lý công còn cao hơn so với quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP, số tiền là 82,9trđ. Ngoài ra, Trường tuyển sinh lớp Bồi dưỡng sau đại học đối với 11 sinh viên chưa trúng tuyển đầu vào chương trình thạc sĩ (ngành Quản trị Kinh doanh và ngành Quản lý công) theo Quyết định số 160/QĐ-ĐHQG ngày 24/3/2017 là chưa phù hợp với các quy định tại Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học và các quy định hiện hành.

- Về nợ đọng học phí: Do chưa có cơ chế quản lý nợ đọng học phí sau đại học chặt chẽ nên nợ tính đến 31/12/2020 là 6.330,1trđ bằng 51,7% số thu trong năm. Trong đó số không thu được học phí do học sinh đã bỏ học, buộc thôi học 4.672,9trđ, số nợ cũ chưa thu được tiền 1.609,3trđ.

b. Thu hoạt động liên kết nước ngoài

- Về cơ sở vật chất: sinh viên tham gia học chương trình liên kết, được bố trí học chung với giảng đường với sinh viên chương trình chất lượng cao nên chưa thể hiện được đảm bảo điều kiện "Diện tích trung bình dùng trong giảng

¹ Dự toán sự nghiệp KHCN đơn vị lập 48.494trđ, dự toán được giao 23.048trđ.

² Dự toán thu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 Trường lập là 341.728tr.

³Đề tài C2018-28-03 "Nghiên cứu hệ thống dẫn đường tự động và tương tác thông minh thông qua cơ chế tự định vị và khám phá môi trường sử dụng dữ liệu 3 chiều", Đề tài C2018-28-05 "Phương pháp xác định xu thế công nghệ"

dạy, học tập đối với hình thức liên kết đào tạo trực tiếp ít nhất là 05 m2/sinh viên". Ngoài ra, do thiếu diện tích phục vụ đào tạo nên trường còn phải bố trí giảng dạy chương trình liên kết thạc sĩ tại cơ sở thuê tại số 234 Pasteur, Quận 3 TP. Hồ Chí Minh là chưa đảm bảo với điều kiện của khoản c, Điểm 1, Điều 18, Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018.

- Dự toán phương án tài chính của đề án liên kết đào tạo còn chưa xác định đủ chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí NCKH; áp dụng các tỷ lệ % chi phí chưa có căn cứ để xác định.

c. Thu hoạt động khác

Đơn vị còn chưa lập đề án sử dụng tài sản công theo quy định tại Điều 55, Luật Quản lý sử dụng tài sản công; chưa cung cấp được hồ sơ đấu thầu của 6/9 đơn vị do các đơn vị này đã thực hiện ký kết hợp đồng từ năm 2018, hợp đồng được ký theo thời hạn từ 1-3 năm.

2.4. Chi hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ và hoạt động khác

- Các bộ phận theo dõi chính sách bảo hiểm xã hội cho người lao động (Phòng Kế hoạch Tài chính, Phòng Tổ chức) còn chưa có sự phối hợp chặt chẽ và chưa thực hiện đối chiếu với cơ quan BHXH nên dẫn đến còn có người nộp thừa, người nộp thiếu mà chưa rõ nguyên nhân.

- Việc thực hiện nhiệm vụ của giảng viên: Bố trí giảng viên còn chưa thực sự khoa học nên còn có giảng viên dạy vượt trên 300 giờ (10 giảng viên vượt 618,6 giờ tương đương 388,8trđ) trong khi còn 18 giảng viên dạy chưa đủ giờ định mức 632,6 giờ⁴; năm học 2018-2019 có 27 giảng viên và năm học 2019-2020 có 24 giảng viên không có giờ nghiên cứu khoa học, còn 10 giảng viên cả 2 năm học đều không có giờ nghiên cứu là chưa phù hợp với quy định tại Điều 7, Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014.

- Còn quyết toán vào chi hoạt động sản xuất kinh doanh tiền mua hộ sách cho sinh viên chương trình Anh văn tăng cường IU-UWE 741,5trđ. Bên cạnh đó, mua sách còn chưa căn cứ thực tế tồn và nhu cầu của sinh viên nên số tồn dư còn nhiều (Theo báo cáo, sách Anh Văn còn tồn đến tháng 3/2021 là 4.373 quyển tương đương 2.510trđ).

- Cuối năm chưa thực hiện kiểm kê vật tư, hóa chất, công cụ tại các khoa, phòng; toàn bộ hàng hóa mua về xuất thẳng cho cá nhân, bộ phận sử dụng; hóa chất độc hại, nguy hiểm chưa được ghi chép quá trình sử dụng, chưa được quản lý theo quy định tại Luật hóa chất và các văn bản hướng dẫn.

2.5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với NSNN

Trường kê khai và nộp thuế TNDN và thuế nhà thầu còn chưa đầy đủ, KTNN xác định tăng thuế TNDN 126,2trđ (thu đào tạo tiếng Anh tăng cường IE 117,1trđ; liên kết đào tạo 9,1trđ); thuế nhà thầu 283,3trđ khoản chi trả đối tác hoạt động liên kết đào tạo Tiếng Anh tăng cường (Trường Đại học West of England). (Chi tiết tại Phụ lục số 02, 02a/HSKT-KTNN)

2.6. Việc trích lập, quản lý và sử dụng các Quỹ

⁴ Số giờ giảng thiếu định mức giảng dạy sẽ được tính thành tiền theo mức thanh toán vượt giờ giảng và khấu trừ dần hàng tháng vào năm học tiếp theo trong 12 tháng (theo Quy chế chi tiêu nội bộ)

- Tỷ lệ trích lập Quỹ tiềm lực Khoa học công nghệ còn thấp (bằng 0,26% thu học phí) là chưa đảm bảo tỷ lệ hướng dẫn tại Điều 12, Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014.

- Sử dụng Quỹ học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên chưa phân biệt mức học bổng loại Xuất sắc, Giỏi, Khá là chưa phù hợp với hướng dẫn tại Điều 2, Thông tư số 44/2007/QĐ-BGDĐT.

2.7. Quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công

- Dự án đầu tư xây dựng tòa nhà A2, các hạng mục đã hoàn thành đưa vào sử dụng từ năm 2013 nhưng chưa được quyết toán nên chưa ghi tăng tài sản.

- Tình hình quản lý đất đai: Theo báo cáo của Trung tâm Quản lý và Phát triển đô thị của ĐHQG-HCM tại Công văn số 214/PT-ĐT ngày 26/8/2020 có 1,95 ha còn vướng giải phóng mặt bằng (bao gồm 2 hộ có hồ sơ bồi thường và 29 hộ dân lấn chiếm xây dựng không phép), đến tháng 3/2021 còn 20 hộ dân đã lấn chiếm từ trước khi ĐHQG-HCM bàn giao cho Trường sử dụng chưa được cấp có thẩm quyền giải quyết dứt điểm.

- Công tác quản lý nợ phải thu, phải trả, tạm ứng: Đơn vị chưa thực hiện đối chiếu và xác nhận nợ cuối năm, một số nội dung còn chưa theo dõi được đối tượng nợ; một số khoản phải thu kéo dài không rõ đối tượng. Ngoài ra, kinh phí 5% đề tài NCKH đơn vị đang theo dõi trên tài khoản 338822 số tiền 1.082,6trđ chưa sử dụng để trừ chi phí điện nước, các khoản chi hành chính phát sinh trong quá trình quản lý nhiệm vụ KH&CN theo quy định của Thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHHCN ngày 22/4/2015.

2.8. Việc thực hiện cơ chế tự chủ

- Chương trình đào tạo: Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ ngành quản lý công: Từ năm 2013, Trường được ĐHQG-HCM giao thực hiện nhiệm vụ đào tạo thạc sĩ ngành quản lý công hoàn toàn bằng Tiếng Việt⁵. Việc giao nhiệm vụ như vậy là chưa tương xứng với sứ mệnh của Trường trong Đề án thành lập Trường trình Thủ tướng Chính phủ⁶.

- Quy chế chi tiêu nội bộ chưa xây dựng việc chi trả thu nhập cho từng người lao động trong đơn vị theo nguyên tắc: người nào có hiệu suất công tác cao, đóng góp nhiều cho việc tăng thu, tiết kiệm chi được trả nhiều hơn; chưa ban hành định mức tiêu thụ nhiên liệu xe ô tô.

3. Tính kinh tế, hiệu lực, hiệu quả

Nhìn chung, năm 2020 Trường Đại học Quốc tế đã quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công theo quy định của nhà nước và đạt được nhiều kết quả trong công tác đào tạo nguồn nhân lực có trình độ ngoại ngữ và chuyên môn chất lượng cao. Song, bên cạnh những mặt làm được còn một số tồn tại phần nào làm giảm tính kinh tế, hiệu lực, hiệu quả của việc quản lý và sử dụng nguồn kinh phí và tài sản nhà nước, cụ thể:

⁵ Quyết định số 1139/QĐ-ĐHQG-ĐH&SĐH ngày 01/10/2013

⁶ Trường Đại học Quốc tế có sứ mệnh chủ yếu là tạo điều kiện cho người học Việt Nam được học ở một trường đại học chất lượng cao tương đương với các đại học có uy tín trong khu vực, giảng dạy bằng tiếng nước ngoài nhưng với chi phí thấp hơn; đóng góp vào sự nghiệp tạo nguồn lực trình độ chất lượng cao, đạt trình độ khu vực và quốc tế;...

- Lập dự toán sự nghiệp NCKH còn chưa căn cứ trên tiến độ thực hiện và dự toán kinh phí các đề tài đã được phê duyệt; giao kinh phí miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập chưa căn cứ vào số còn dư năm trước; nhiều đề tài chậm tiến độ hoặc không thực hiện phải hoàn trả kinh phí; tính ứng dụng thực tế của đề tài chưa cao;...

- Đào tạo 11 thạc sĩ chưa trúng tuyển đầu vào là chưa phù hợp với quy định của Luật giáo dục, Luật giáo dục đại học và các quy định hiện hành; chưa có cơ chế quản lý nợ đọng học phí sau đại học; thu vượt học phí thạc sĩ ngành quản lý công và đào tạo chưa tương xứng với sứ mệnh của Trường.

- Chưa thực hiện đối chiếu BHXH nên còn chênh lệch chưa rõ nguyên nhân, còn có giảng viên thừa trên 300 giờ trong khi nhiều giảng viên thiếu giờ định mức; nhiều giảng viên 02 năm học liên tiếp không tham gia NCKH, quyết toán khoản chi hộ sinh viên vào chi dịch vụ; quản lý vật tư hóa chất chưa tuân thủ quy định;...

- Tỷ lệ trích Quỹ tiềm lực khoa học công nghệ còn rất thấp, học bổng khuyến khích học tập còn chưa phân loại sinh viên theo kết quả học tập Khá, Giỏi, Xuất sắc...

- Chưa tách biệt cơ sở vật chất của đào tạo liên kết, còn bố trí học ngoài trụ sở chính của Trường; Cho thuê cơ sở vật chất chưa lập Đề án lập sử dụng tài sản công theo quy định Luật Quản lý sử dụng tài sản công năm 2017; chưa cung cấp được hồ sơ thầu cho thuê dịch vụ. Trong quản lý đất đai, tài sản còn 20 hộ dân lấn chiếm từ trước khi đất được ĐHQG-HCM giao cho Trường sử dụng nhưng đến nay chưa được cấp có thẩm quyền giải quyết dứt điểm; dự án tòa nhà A2 và các dự án xây dựng, sửa chữa khác đã hoàn thành đưa vào sử dụng từ trước 2013 nhưng chưa được quyết toán nên chưa được ghi tăng tài sản.

- Trong quản lý nợ phải thu, phải trả: cuối năm chưa thực hiện đối chiếu, nhiều khoản nợ chưa chi tiết đến từng đối tượng...

- Thực hiện cơ chế tự chủ: Trường chưa xây dựng giá thu học phí dựa trên kết cấu chi phí hợp lý mà áp dụng theo mức thu theo Đề án từ năm 2003; tuyển sinh vượt chỉ tiêu đối với khối ngành III, tỷ lệ giảng viên quy đổi của khối ngành III năm học 2020-2021 còn cao hơn so với quy định; tỷ lệ sinh viên được tham gia NCKH và tham quan thực tế tại các doanh nghiệp chưa cao; xây dựng phương án chi trả thu nhập tăng thêm trong quy chế chi tiêu nội bộ chưa gắn với hiệu suất, hiệu quả công việc;...

II. KIẾN NGHỊ

1. Đối với Trường Đại học Quốc tế

1.1. Điều chỉnh số liệu trên sổ kế toán, báo cáo tài chính theo kết luận và kiến nghị của KTNN.

1.2. Kiến nghị về xử lý tài chính

1.2.1 Nộp NSNN 409.593.788đ trong đó thuế TNDN 126.255.507đ, thuế nhà thầu 283.338.281đ.

1.2.2 Hủy dự toán kinh phí miễn giảm học phí còn dư 382.805.000đ.

1.3 Xử lý khác: Giảm chi hoạt động sự nghiệp 1.824.024.228đ (Giảm chi từ kinh phí quản lý đề tài 1.082.568.228đ, chi phí mua sách cho sinh viên 741.456.000đ).

1.4. Kiến nghị chấn chỉnh công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công

- Chấn chỉnh kịp thời công tác hạch toán và những tồn tại trong công tác sử dụng và quyết toán nguồn kinh phí đã nêu ở trên.

- Chấm dứt việc tuyển sinh chưa phù hợp với quy định; đào tạo các ngành, chuyên ngành phù hợp với sứ mệnh và chức năng nhiệm vụ được giao.

- Xây dựng mức thu học phí trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật, chấm dứt tình trạng thu vượt học phí ngành thạc sĩ Quản lý công; có phương án quản lý nợ học phí sau đại học để giảm thiểu thất thu học phí.

- Thực hiện trích lập Quỹ tiềm lực khoa học công nghệ đảm bảo tỷ lệ quy định và sử dụng quỹ học bổng khuyến khích sinh viên theo Quyết định số 44/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 để đảm bảo quyền lợi và khuyến khích sinh viên nghiên cứu khoa học.

- Thực hiện đối chiếu với cơ quan Bảo hiểm xã hội TP. Hồ Chí Minh để xử lý dứt điểm việc chênh lệch về số liệu chưa rõ nguyên nhân; đối chiếu đầy đủ nợ phải thu, phải trả, tạm ứng theo quy định; kê khai nghĩa vụ với NSNN đảm bảo đầy đủ và kịp thời;

- Có biện pháp đối với giảng viên không tham gia nghiên cứu khoa học để đảm bảo thực hiện theo quy định; quản lý sử dụng hóa chất theo quy định; xây dựng phương án chi thu nhập tăng thêm đảm bảo gắn với kết quả và hiệu suất công việc của từng cán bộ công nhân viên.

- Đảm bảo cơ sở vật liên kết đào tạo đại học và sau đại học phù hợp theo quy định tại Nghị định 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018; lập đề án cho thuê, liên kết tài sản theo quy định của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017.

2. Đối với Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

- Chấn chỉnh rút kinh nghiệm trong việc giao dự toán kinh phí miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên chưa căn cứ nguồn kinh phí còn dư.

- Chỉ đạo Trường xây dựng mức thu học phí căn cứ trên định mức kinh tế kỹ thuật và phù hợp với quy định hiện hành.

- Báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đào tạo trình độ thạc sĩ cho các học viên khi chưa trúng tuyển đầu vào như hiện nay để đảm bảo thực hiện theo đúng quy định.

Đề nghị Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế chỉ đạo các phòng ban trực thuộc thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước theo Thông báo này và báo cáo kết quả thực hiện về Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh để tổng hợp báo cáo Kiểm toán nhà nước chuyên ngành III địa chỉ 116 Nguyễn Chánh, Cầu Giấy, Hà Nội trước ngày 31/12/2021. Trong Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán cần nêu rõ: những kiến nghị đã thực hiện; kiến nghị đang thực hiện; kiến nghị chưa thực hiện (*với những kiến nghị đã thực hiện cần ghi rõ tên bằng chứng, phô tô kèm theo các chứng từ, tài liệu,...* để

chứng minh; với kiến nghị đang thực hiện và kiến nghị chưa thực hiện phải giải thích rõ lý do). Khi đơn vị thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, ghi chép chứng từ theo hướng dẫn tại Phụ lục số 01/HSKT-KTNN kèm theo.

Thông báo này gồm 07 trang, từ trang 01 đến trang 07 và các Phụ lục số 01, 02, 02a, 03, 03a, 04, 05, 05a/HSKT-KTNN là bộ phận không tách rời của Thông báo này. *lúc*

Nơi nhận:

- Như trên;
- ĐHQG TP.HCM;
- Vụ Chế độ và KSCLKT;
- KTNN chuyên ngành III;
- Lưu: VT, ĐKT. *đ*

**TL. TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
KIỂM TOÁN TRƯỞNG KTNN CHUYÊN NGÀNH III**



Lê Tùng Lâm

HƯỚNG DẪN GHI CHÉP CHỨNG TỪ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

1. Đối với kiến nghị tăng thu về thuế, phí, thu khác và các khoản chi sai,... nộp tại kho bạc nhà nước: Các chứng từ nộp tiền vào kho bạc nhà nước nơi đơn vị được kiểm toán giao dịch (*giấy nộp tiền, ủy nhiệm chi, giấy nộp trả kinh phí, lệnh chuyển có,...*), ngoài việc ghi rõ nội dung kiến nghị kiểm toán, số tiền cụ thể theo quy định, còn phải ghi rõ "*Nộp NSNN thực hiện theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm tại Báo cáo kiểm toán phát hành theo Công văn số/KTNN-TH ngày ... tháng... năm tại.... và theo Công văn số ngày .../... /... của Kiểm toán nhà nước/ khu vực... gửi kho bạc nhà nước (Trung ương/ tỉnh hoặc thành phố)*" đồng thời đánh dấu vào ô KTNN trên giấy nộp tiền vào NSNN. Đối với trường hợp kiến nghị cơ quan thuế xử phạt, truy thu thuế đối với các đơn vị: Quyết định xử phạt, truy thu của cơ quan quản lý thuế ghi rõ nội dung "*xử phạt, truy thu theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm*"; Giấy nộp tiền vào Ngân sách nhà nước ghi rõ: "*Nộp tiền xử phạt, truy thu theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm....*".
2. Đối với kiến nghị giảm thanh toán vốn đầu tư XD/CB, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư: Các chứng từ (*Quyết định phê duyệt quyết toán; Hồ sơ thanh toán; Biên bản xác nhận công nợ; Quyết định điều chỉnh dự toán; Hợp đồng điều chỉnh;...*) phải ghi rõ: "*Giảm thanh toán số tiền (số tiền cụ thể) theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm tại Báo cáo kiểm toán phát hành theo Công văn số/KTNN-TH ngày ... tháng... năm tại.... và theo Công văn số ngày .../... /... của Kiểm toán nhà nước/ khu vực... gửi kho bạc nhà nước (nếu có)*". Trường hợp vì lý do nào đó, chứng từ không ghi rõ nội dung, đơn vị được kiểm toán có trách nhiệm đề nghị cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán xác nhận (trường hợp Dự án đã quyết toán dự án hoàn thành) hoặc văn bản giải trình có xác nhận của chủ đầu tư và bên nhận thầu (trường hợp dự án chưa quyết toán).
3. Đối với kiến nghị giảm dự toán chi thường xuyên: Các quyết định (*giao dự toán, giảm dự toán,...*) phải ghi rõ "*Giảm dự toán số tiền (số tiền cụ thể) theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm tại Báo cáo kiểm toán phát hành theo Công văn số/KTNN-TH ngày ... tháng... năm tại.... và theo Công văn số ngày .../... /... của Kiểm toán nhà nước/khu vực... gửi kho bạc nhà nước (nếu có)*". Trường hợp vì lý do nào đó, chứng từ không ghi rõ nội dung, đơn vị được kiểm toán có trách nhiệm đề nghị cơ quan ban hành quyết định trên xác nhận nội dung và số tiền thực hiện kiến nghị của KTNN.
4. Đối với kiến nghị thông qua phương thức bù trừ: Văn bản xác nhận của cơ quan thuế ghi rõ "*nội dung và số tiền bù trừ theo kiến nghị của KTNN*"; Tờ khai thuế GTGT thuyết minh rõ "*nội dung số thuế GTGT còn được khấu trừ theo kiến nghị của KTNN*"; Tờ khai thuế TNDN thuyết minh rõ "*số thuế TNDN tăng thêm do thực hiện giảm lỗ theo kiến nghị của KTNN*"; đồng thời ghi rõ "*niên độ ngân sách năm tại Báo cáo kiểm toán phát hành theo Công văn số/KTNN-TH ngày ... tháng... năm tại.... và theo Công văn số ngày .../... /... của Kiểm toán nhà nước/KV... gửi kho bạc nhà nước (nếu có)*".

BẢNG TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ TĂNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

**Qua kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020
của Trường Đại học Quốc tế**

Đơn vị tính: đồng

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu	Mã số thuế	Tổng số	Các khoản thuế	
					TNDN	Thuế khác
A	B	C	1	2	3	
1	Trường Đại học Quốc tế	0303844612	409.593.788	126.255.507	283.338.281	
	Tổng cộng		409.593.788	126.255.507	283.338.281	

THUYẾT MINH KẾT QUẢ KIỂM TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

Qua kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Trường Đại học Quốc tế

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu/ đơn vị	Mã số thuế	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân	Ghi chú
I	Thuế GTGT				
II	Thuế TNDN		126.255.507		
	Trường Đại học Quốc tế	0303844612	126.255.507	Tăng thuế TNDN của khoản thu môn Tiếng Anh tăng cường và hoạt động liên kết đào tạo	
III	Thuế nhà thầu		283.338.281		
	Trường Đại học Quốc tế	0303844612	283.338.281	Tăng thuế TNDN của nhà thầu do kê khai chưa đầy đủ	
	Tổng cộng		409.593.788		

TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ THU HỒI VÀ GIẢM CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020
Qua kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020
của Trường Đại học Quốc tế

Đơn vị tính: đồng

TT	Chi tiêu Đơn vị	Tổng số	Thu hồi, nộp NS các khoản chi sai quy		Thu hồi kinh phí thừa		Hủy dự toán
			Thường xuyên	XDCB	Thường xuyên	XDCB	
A	B	1	2	3	4	5	6
1	Trường Đại học Quốc tế	382.805.000					382.805.000
	Tổng cộng	382.805.000	-	-	-	-	382.805.000

THUYẾT MINH KẾT QUẢ KIỂM TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020
Qua kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020 của Trường Đại học Quốc tế

Đơn vị tính: Đồng

STT	Đơn vị, chỉ tiêu, nội dung kiến nghị	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân	Ghi chú
1	2	3	4	5
I	Các khoản chi sai chế độ	-		
II	Kinh phí thừa hết nhiệm vụ chi Trường Đại học Quốc tế	382.805.000		
		382.805.000	Kinh phí miễn giảm học phí còn dư dự toán	
	Tổng cộng	382.805.000		

TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ KHÁC

**Qua kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2020
của Trường Đại học Quốc tế**

Đơn vị tính: Đồng

STT	Đơn vị/chỉ tiêu	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân	Ghi chú
1	2	3	4	5
1	Giảm chi hoạt động sự nghiệp từ kinh phí 5% quản lý KHCN	1.082.568.228	Do đơn vị đang theo dõi trên tài khoản công nợ	
2	Giảm chi hoạt động từ khoản mua sách hộ sinh viên	741.456.000	Do đây là khoản thu hộ chi hộ cho sinh viên	
	Tổng cộng	1.824.024.228		

**PHỤ LỤC KẾT QUẢ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ**

1. KIỂM TOÁN BÁO CÁO QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chi tiêu	Nguồn kinh phí	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B		1	2	3
A	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC				
I	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC				
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (01=02+05)		5.353.314.600	5.353.314.600	-
1.1	<i>Kinh phí thường xuyên/tự chủ (02=03+04)</i>		382.805.000	382.805.000	-
	- Kinh phí đã nhận		-	-	
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc		382.805.000	382.805.000	
1.2	<i>Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (05=06+07)</i>		4.970.509.600	4.970.509.600	-
	- Kinh phí đã nhận		3.196.701.000	3.196.701.000	
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc		1.773.808.600	1.773.808.600	
2	Dự toán được giao trong năm		23.775.000.000	23.775.000.000	-
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ			-	
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ		23.775.000.000	23.775.000.000	
3	Tổng số được sử dụng trong năm (11=12+13)		29.128.314.600	29.128.314.600	-
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (12=02+09)		382.805.000	382.805.000	-
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (13=05+10)		28.745.509.600	28.745.509.600	-
4	Kinh phí thực nhận trong năm (14=15+16)		22.290.137.900	22.290.137.900	-
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ			-	
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ		22.290.137.900	22.290.137.900	
5	Kinh phí đề nghị quyết toán (17=18+19)		21.678.783.800	21.678.783.800	
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ			-	
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ		21.678.783.800	21.678.783.800	
6	Kinh phí giảm trong năm (20=21+25)		877.485.000	1.260.290.000	382.805.000
6.1	<i>Kinh phí thường xuyên/tự chủ (21=22+23+24)</i>			-	
	- Đã nộp NSNN			-	
	- Còn phải nộp NSNN (23=03+15-18-22-31)			-	
	- Dự toán bị hủy (24=04+09-15-32)			-	
6.2	<i>Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (25=26+27+28)</i>		877.485.000	1.260.290.000	382.805.000
	- Đã nộp NSNN			-	
	- Còn phải nộp NSNN (27=06+16-19-26-34)			-	
	- Dự toán bị hủy (28=07+10-16-35)		877.485.000	1.260.290.000	382.805.000
7	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (29=30+33)		6.572.045.800	6.189.240.800	(382.805.000)
7.1	<i>Kinh phí thường xuyên/tự chủ (30=31+32)</i>		382.805.000	382.805.000	
	- Kinh phí đã nhận			-	
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc		382.805.000	382.805.000	
7.2	<i>Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (33=34+35)</i>		6.189.240.800	5.806.435.800	(382.805.000)
	- Kinh phí đã nhận		3.808.055.100	3.808.055.100	
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc		2.381.185.700	1.998.380.700	(382.805.000)
B	NGUỒN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ ĐỂ LẠI			-	

* Nguyên nhân chênh lệch:

- Kinh phí giảm trong năm tăng do hủy dự toán kinh phí miễn giảm học phí còn dư dự toán
Loại 070-081 382.805.000
- Kinh phí chuyển năm sau giảm do nguyên nhân trên (382.805.000)

2. KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NGÀY 31/12/2020

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1
	TÀI SẢN			
I	Tiền	81.430.482.444	81.430.482.444	
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	75.696.002.195	75.696.002.195	
III	Các khoản phải thu	109.158.326.197	109.441.664.478	283.338.281
1	Phải thu khách hàng	171.871.346	171.871.346	
2	Trả trước cho người bán	19.485.508.152	19.485.508.152	
3	Phải thu nội bộ		-	
4	Các khoản phải thu khác	89.500.946.699	89.784.284.980	283.338.281
IV	Hàng tồn kho		-	
V	Đầu tư tài chính dài hạn		-	
VI	Tài sản cố định	197.129.348.018	197.129.348.018	
1	Tài sản cố định hữu hình	187.301.037.971	187.301.037.971	
	- Nguyên giá	414.509.124.047	414.509.124.047	
	- Khấu hao và hao mòn lũy kế	(227.208.086.076)	(227.208.086.076)	
2	Tài sản cố định vô hình	9.828.310.047	9.828.310.047	
	- Nguyên giá	16.021.770.137	16.021.770.137	
	- Khấu hao và hao mòn lũy kế	(6.193.460.090)	(6.193.460.090)	
VII	Xây dựng cơ bản dở dang	215.863.171.161	215.863.171.161	
VIII	Tài sản khác	216.450.709	216.450.709	
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (50=01+05+10+20+25+30+40+45+46)	679.493.780.724	679.777.119.005	283.338.281
I	Nợ phải trả	481.389.053.166	479.516.917.285	(1.872.135.881)
1	Phải trả nhà cung cấp	6.659.652.945	6.659.652.945	
2	Các khoản nhận trước của khách hàng		-	
3	Phải trả nội bộ		-	
4	Phải trả nợ vay	58.310.319.511	58.310.319.511	
5	Tạm thu	3.808.055.100	3.808.055.100	
6	Các quỹ đặc thù		-	
7	Các khoản nhận trước chưa ghi thu	330.430.907.249	330.430.907.249	
8	Nợ phải trả khác	82.180.118.361	80.307.982.480	(1.872.135.881)
II	Tài sản thuần	198.104.727.558	200.260.201.720	2.155.474.162
1	Nguồn vốn kinh doanh		-	
2	Thặng dư/Thâm hụt lũy kế	14.495.220.787	16.650.694.949	2.155.474.162
3	Các quỹ	183.609.506.771	183.609.506.771	
4	Tài sản thuần khác		-	
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (80=60+70)	679.493.780.724	679.777.119.005	283.338.281

* Nguyên nhân chênh lệch: Chi tiết phụ lục 05a/HSKT-KTNN

3. KIỂM TOÁN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chi tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Số chênh lệch
A	B			
I	Hoạt động hành chính, sự nghiệp			
1	Doanh thu (01=02+03+04)	26.322.135.222	26.322.135.222	
a	Từ NSNN cấp	26.322.135.222	26.322.135.222	
2	Chi phí (05=06+07+08)	26.322.135.222	26.322.135.222	
a	Chi phí hoạt động	26.322.135.222	26.322.135.222	
3	Thặng dư/Thâm hụt (09=01-05)		-	-
II	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ			
1	Doanh thu	345.596.778.066	346.054.483.507	457.705.441
2	Chi phí	155.095.583.170	153.271.558.942	(1.824.024.228)
3	Thặng dư/Thâm hụt (12=10-11)	190.501.194.896	192.782.924.565	2.281.729.669
III	Hoạt động tài chính			
1	Doanh thu	2.088.068.824	2.088.068.824	
2	Chi phí	705.276.028	705.276.028	
3	Thặng dư/Thâm hụt (22=20-21)	1.382.792.796	1.382.792.796	
IV	Hoạt động khác			
1	Thu thập khác	2.291.555	2.291.555	
2	Chi phí khác	178.502.766	178.502.766	
3	Thặng dư/Thâm hụt (32=30-31)	(176.211.211)	(176.211.211)	
V	Chi phí thuế TNDN	2.142.249.870	2.268.505.377	126.255.507
VI	Thặng dư/Thâm hụt trong năm (50=09+12+22+32-40)	189.565.526.611	191.721.000.773	2.155.474.162
1	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính	9.720.000.000	9.720.000.000	
2	Phân phối cho các quỹ	175.270.729.915	175.270.729.915	
3	Kinh phí cải cách tiền lương			

* Giải thích nguyên nhân chênh lệch:

- Thu hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ tăng do tăng thu hoạt động liên kết 457.705.441
- Chi hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ giảm do:
 - Giảm chi hoạt động sự nghiệp từ kinh phí 5% quản lý KHCN (1.082.568.228)
 - Giảm chi hoạt động từ khoản mua sách hộ sinh viên (741.456.000)
- Thuế TNDN tăng do tăng thuế TNDN phải nộp của khoản thu môn Tiếng Anh tăng cường và hoạt động liên kết đào tạo 126.255.507
- Thặng dư thâm hụt tăng do nguyên nhân trên 2.155.474.162

GIẢI THÍCH NGUYÊN NHÂN CHÊNH LỆCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	TK NỢ	TK CÓ	SỐ TIỀN
1	Tăng doanh thu hoạt động liên kết	338	421	457.705.441
2	Tăng thuế TNDN phải nộp của khoản thu môn Tiếng Anh tăng cường và hoạt động liên kết đào tạo	421	333	126.255.507
3	Giảm chi hoạt động sự nghiệp từ kinh phí 5% quản lý KHCN	338	421	1.082.568.228
4	Giảm chi hoạt động từ khoản mua sách hộ sinh viên	338	421	741.456.000
5	Tăng thuế nhà thầu phải nộp do kê khai thiếu	138	333	283.338.281
6	Kinh phí thừa hết nhiệm vụ chi còn dư dự toán			382.805.000
	Các chỉ tiêu trên BCTC			
	Các khoản phải thu khác	138		283.338.281
	Nợ phải trả khác		333	(1.872.135.881)
	Thặng dư thâm hụt		421	2.155.474.162